

Số: 461/BC-UBND

Ia Pa, ngày 12 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2019 Triển khai nhiệm vụ công tác năm 2020

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 08 -NQ/HU ngày 12/12/2018 của Huyện ủy và Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, kỳ họp thứ Bảy về thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh năm 2019; được sự quan tâm của UBND tỉnh, các sở ngành của tỉnh, sự chỉ đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện, sự phối hợp của Mặt trận và các đoàn thể huyện, sự nỗ lực của các ngành, các xã và nhân dân trên địa bàn huyện, tình hình kinh tế - xã hội phát triển khả quan, quốc phòng - an ninh được giữ vững, ổn định.

I. Về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2019 (có biểu số 1 kèm theo)

Kết thúc năm 2019, dự ước có 18/19 chỉ tiêu mà HĐND huyện đề ra có khả năng đạt và vượt kế hoạch¹. Trong đó: Tốc độ gia tăng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 11,28% (nông nghiệp tăng 6,4%, công nghiệp - xây dựng tăng 16,3%, dịch vụ - thương mại tăng 14,5%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp: nông, lâm nghiệp chiếm 55,1%, CN-XD chiếm 26,3%, DV-TM chiếm 18,6%. Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành), ước đạt 4.070,1 tỷ đồng, bằng 100% KH. Thu nhập bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng, tăng 1 triệu đồng so với KH.

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp, nông thôn (có biểu số 2 kèm theo)

a) **Trồng trọt:** Tổng diện tích gieo trồng được 33.023ha, bằng 101,2% kế hoạch (KH) và tăng 1,5% so với cùng kỳ (CK); trong đó: vụ Đông Xuân gieo trồng được 9.677ha, vụ mùa gieo trồng được 23.346ha; diện tích một số cây trồng chính như: Cây lúa thủy lợi 6.195ha, cây ngô 2.751ha, cây mía 3.155ha (bằng 57% KH), cây mỳ 9.755ha. Tổng sản lượng lương thực ước đạt 58.377 tấn (trong đó thóc 47.200 tấn), bằng 101,4% KH.

Vụ Đông Xuân 2018 - 2019, các ngành chức năng, UBND các xã đã hướng dẫn nhân dân chuyển đổi 105,7ha đất trồng lúa không chủ động được nước tưới sang trồng các loại cây trồng cạn² và 400ha đất trồng cây màu sang trồng dưa hấu³; chuyển đổi diện tích mía bị dịch bệnh sang trồng 190ha điều⁴ và 175ha cây ăn quả.

¹ Kế hoạch trồng rừng 300 ha, thực hiện được 18,9ha, bằng 6,3% KH

² Xã Ia Trôk: 65ha (thuốc lá: 03ha; rau các loại: 47ha; khoai lang: 15ha), Ia Mron: 35ha (thuốc lá: 05ha; rau các loại: 25ha; khoai lang: 05ha), Chư Mố: 5,7ha sang trồng đậu xanh

³ xã Pờ Tô 150ha, xã Ia Mron 75ha, xã Ia Trôk 131ha, xã Ia Broãi 86ha, xã Ia Tul 15ha, xã Chư Mố 10ha, xã Ia Kdăm 30ha

⁴ xã Pờ Tô 110ha, xã Kim Tân 45ha, xã Ia Kdăm 10ha, xã Chư Mố 15ha, xã Ia Tul 10ha

Tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, dự báo sâu bệnh phát sinh, gây hại, áp dụng các biện pháp phòng trừ, xử lý sâu bệnh gây hại trên cây trồng, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý bệnh khảm lá vi rút cây sắn. Tổ chức tập huấn 9 lớp/9 xã về các biện pháp phòng trừ bệnh khảm lá sắn, sâu keo mùa thu gây hại trên cây ngô. Tuy nhiên, trong năm sâu bệnh gây ra khảm lá vi rút cây sắn, sâu keo mùa thu cây ngô đã lây lan và diễn biến hết sức phức tạp, làm giảm năng suất, sản lượng⁵; các loại cây trồng khác, sâu bệnh gây hại rải rác. Kết quả xử lý bệnh hại trên cây sắn đã nhổ bỏ, tiêu hủy 13,3ha để chuyển đổi cây trồng khác, diện tích còn lại, các cơ quan chuyên môn, UBND các xã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn người dân chăm sóc, thu hoạch, đồng thời nhổ bỏ, tiêu hủy toàn bộ để tránh lây lan dịch bệnh.

Công tác lập, phê duyệt các mô hình, dự án áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được triển khai ngay từ đầu năm, đảm bảo tiến độ thời vụ gieo trồng. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung thực hiện mô hình liên kết sản xuất giống lúa xác nhận TH6, TBR1, mô hình liên kết nuôi heo rừng lai, heo sọc dưa và các mô hình thuộc các chương trình, dự án trên địa bàn huyện⁶. Tuy nhiên, do xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh khảm lá sắn nên đã tạm dừng các dự án nuôi heo, trồng sắn.

Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển của các mô hình trồng cây Đinh lăng, chuỗi tiêu hồng, dưa Cayen, cây điều thực hiện từ năm 2018. Qua kiểm tra, đánh giá, phần lớn các mô hình có cây trồng sinh trưởng và phát triển khá. Bên cạnh đó, mô hình trồng cây Đinh lăng, dưa Cayen qua kiểm tra của cơ quan chức năng phát hiện một số diện tích bị nấm gây hại nên người dân đã nhổ bỏ dẫn đến mô hình được mục tiêu đề ra. UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt các cơ quan chức năng phối hợp với các doanh nghiệp, người dân tham gia mô hình tập trung chăm sóc, xử lý dịch bệnh theo khuyến của Chi cục BVTV và Trồng trọt tỉnh; đồng thời yêu cầu cơ quan, cá nhân có liên quan thực hiện mô hình kiểm điểm trách nhiệm.

b) Chăn nuôi: Theo số liệu thống kê (thời điểm thống kê tháng 11/2019), đàn trâu có 1.182 con, đàn bò 32.788 con, tăng 4,4% so với cùng kỳ, tỷ lệ bò lai chiếm 22%, tăng 2% so với KH; đàn heo 45.200 con. Công tác phòng chống dịch bệnh được chỉ đạo quyết liệt, tiếp nhận và phân bổ 1.100 lít Benkocid để phun tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng vắc xin theo kế hoạch⁷.

Về tình hình dịch tả lợn Châu Phi: tính đến ngày 30/11/2019, trên địa bàn huyện đã xảy ra ở 49 thôn/9 xã, với 919 hộ bị thiệt hại, với tổng số lượng lợn mắc bệnh phải tiêu khoảng 9.366 con, tổng trọng lượng 502.311kg, ước thiệt hại khoảng 20 tỷ đồng. Đã có 8 xã đã công bố hết bệnh (trừ xã Ia Mron). UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng, các xã hướng dẫn nhân dân các biện pháp xử lý dịch bệnh và hỗ trợ kinh phí kịp thời cho người chăn nuôi. UBND huyện đã xuất

⁵Cây sắn có 2.587ha bị bệnh khảm lá vi rút (vụ Đông Xuân 1.099ha, vụ mùa 1.488ha), cây ngô có 282ha bị sâu keo mùa thu phá hại

⁶ Các mô hình dự án: Mô hình liên kết sản xuất giống lúa xác nhận TH6, TBR1; mô hình liên kết nuôi heo rừng lai, heo sọc dưa; Dự án trồng mía nguyên liệu từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình NTM; Dự án khuyến nông giống sắn KM140, KM94 do Trung tâm khuyến nông tỉnh thực hiện.

⁷ Số lượng: 27.575 liều LMLM type O&A, 15.300 liều tụ huyết trùng cho trâu, bò, 3.150 liều dịch tả kép heo, 450 liều đại chó

ngân sách huyện với số tiền 2,396 tỷ đồng (đợt 1) để hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại; đến nay có 06 xã hoàn thành, 02 xã đang tiếp tục hỗ trợ⁸.

Dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2019 trên địa bàn huyện đã đã hoàn thành xây dựng 09 công trình khí sinh học hầm Biogas⁹, việc hỗ trợ công trình đã góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

c) Thủy lợi: Chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã thường xuyên kiểm tra, theo dõi nguồn nước trên các sông suối, huy động lực lượng nạo vét kênh mương, bể hút, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm điện đảm bảo phục vụ sản xuất. Hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng 4.906m kênh mương, 3.206m đường nội đồng với tổng kinh phí là 6.730 triệu đồng. Lập hồ sơ đề nghị tỉnh hỗ trợ phí dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 với tổng diện tích là 2.580,08ha và tổng kinh phí 4.187,8 triệu đồng.

d) Công tác phòng chống thiên tai, khắc phục thiệt hại do thiên tai được quan tâm. UBND huyện đã kịp thời ban hành kế hoạch phòng chống thiên tai, phòng chống khô hạn và ban hành văn bản chỉ đạo triển khai kịp thời các công điện, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về phòng chống, ứng phó với mưa, bão, hạn hán. Tuy nhiên, vụ Đông Xuân 2018-2019, do hạn hán kéo dài có 56,82ha lúa thủy lợi bị thiệt hại¹⁰, ước thiệt hại khoảng 910 triệu đồng. UBND huyện đã chỉ đạo ngành nông nghiệp, UBND các xã tổng hợp, đề xuất hỗ trợ cho nông dân; con bão số 5 làm 5 căn nhà bị tốc mái, 2 máy bơm điện bị ngập nước, 15 trụ điện bị gãy đổ. Đến nay, thiệt hại do thiên tai cơ bản đã được khắc phục.

1.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Trên cơ sở kết quả đạt được, chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để thực hiện trong năm 2019. Ước đến ngày 31/12/2019, trên địa bàn huyện có 01 xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới (đang lập hồ sơ đề nghị công nhận), xã Ia Mron đạt 17 tiêu chí, xã Chư Răng đạt 14 tiêu chí, 04 xã Chư Mố, Ia Broãi, Pờ Tó và Kim Tân đạt 12 tiêu chí, 02 xã Ia Trôk, Ia Kdăm đạt 11 tiêu chí. Chỉ đạo các ngành chức năng, UBND xã Kim Tân, Pờ Tó tập trung thực hiện việc bố trí, sắp xếp dân cư và thực hiện xây dựng nông thôn mới thôn Blôm, Bi Gia; xây dựng đề án sắp xếp, bố trí dân cư thôn Bôn Jứ, xã Ia Broãi để thực hiện trong năm 2020. Triển khai hương trình OCOP trên địa bàn huyện, đã rà soát và đăng ký xây dựng sản phẩm “dệt thổ cẩm” với Sở NN&PTNT tỉnh; đã tổ chức tập huấn cho cộng đồng về ý tưởng kinh doanh, tư vấn cho cộng đồng phát triển sản phẩm.

Đã huy động, lồng ghép trên 11.838 triệu đồng cho các ngành, các xã để thực hiện các hạng mục công trình, tiêu chí thuộc Chương trình nông thôn mới năm 2019. Hiện nay, các ngành, các xã đã lập các hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện theo quy định.

1.3. Về lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng: Triển khai kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán được UBND tỉnh, HĐND huyện giao, UBND huyện đã tổ chức

⁸ Xã Pờ Tó, Chư Răng, Kim Tân, Ia Trôk, Ia Broãi đã chi trả xong tiền hỗ trợ số tiền 2.357,62 triệu đồng; xã Chư Mố, Ia Kdăm tiếp tục chi hỗ trợ 38,53 triệu đồng.

⁹ Pờ Tó: 04 hầm, Ia Mron: 01 hầm, Ia Trôk: 03 hầm, Ia Broãi: 01 hầm

¹⁰ Chư Răng 45,2ha, Kim Tân 6,9ha, Chư Mố 4,7ha

hội nghị quán triệt và phân chỉ tiêu, nhiệm vụ cho từng xã, từng ngành để thực hiện. Tính đến nay đã hoàn thành trồng cây phân tán với số lượng 35 nghìn cây, đạt kế hoạch đề ra; triển khai trồng rừng được 18,9 ha¹¹ (bằng 6,3%) không đạt chỉ tiêu nghị quyết. Nguyên nhân do các hộ dân không hưởng ứng, lo sợ không có đất sản xuất, không có nguồn thu nhập nên không kê khai, đăng ký trồng rừng, tìm mọi cách để đối phó với các cơ quan chức năng huyện; một số đất trũng, đá sỏi, đất quy hoạch thao trường huấn luyện quân sự... nên không trồng rừng được. Giao khoán quản lý bảo vệ rừng được 13.767ha (UBND xã Ia Tul 8.000ha, Ban quản lý RPH Chư Mố 5.767ha).

Trong năm công tác quản lý, bảo vệ rừng được chỉ đạo quyết liệt; UBND huyện đã ban hành 42 văn bản chỉ đạo, thành lập 02 đoàn kiểm tra về quản lý, bảo vệ rừng; ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân được nâng lên. Ban hành và triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xảy ra nên trên địa bàn chưa xảy ra cháy gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Đoàn liên ngành huyện và các ngành có liên quan đã tổ chức 10 đợt tuần tra, truy quét tại các khu vực trọng điểm thường xảy ra tình trạng khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản trái phép, khu vực giáp ranh với huyện Kông Chro, Đồng Xuân; tổ chức 10 đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật; chỉ đạo các xã thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng củi rừng tự nhiên để sấy thuốc lá. Các vụ vi phạm được chỉ đạo điều tra xử lý nghiêm theo quy định. Phát hiện 36 vụ việc vi phạm Luật Lâm nghiệp (tăng 12 vụ so với CK); đã xử lý 23 vụ¹² và tạm giữ 31,701m³ gỗ tròn, xẻ các loại; phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước 360 triệu (vi phạm hành chính 142 triệu đồng và bán lâm sản, phương tiện tịch thu 218 triệu đồng); còn 13 vụ chưa xử lý, hiện nay các cơ quan chức năng huyện đang điều tra, xác minh, xử lý theo quy định; vụ cất giữ, mua bán lâm sản trái phép tại Công ty TNHH MTV Lâm Anh hiện nay cơ quan chức năng đã khởi tố vụ án, khởi tố và bắt tạm Giám đốc Công ty và tiếp tục điều tra theo quy định.

1.4. Công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt 126,8 tỷ đồng, bằng 102,7%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết và tăng 2,6% CK; trong đó: Xây xát gia công 49.258 tấn, khai thác cát sỏi 41.853 m³, tinh bột sắn 70.000 tấn.

1.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản: Tổng vốn đầu tư trên địa bàn là 107.235 triệu đồng dùng để khởi công mới, chuyển tiếp cho 75 hạng mục công trình, bao gồm các nguồn vốn tỉnh, huyện, vốn Chương trình MTQG¹³. Ước giải ngân đến 31/12/2019

¹¹ xã Ia Kdăm 16,7ha; xã Kim Tân 2,2ha

¹² Đã xử lý 23 vụ. Trong đó Xử phạt vi phạm hành chính 19 vụ vận chuyển, tàng trữ lâm sản và lẩn, chiếm đất rừng trái pháp luật, tịch thu 53,03m³ gỗ các loại, 04 ster củi, 978kg gốc rễ cành nhánh Hương và 02 xe độ chế; Xử lý hình sự 04 vụ, trong đó: 02 vụ về tội hủy hoại rừng với diện tích 4,03ha tại tiểu khu 1179, 1183 thuộc lâm phần Ban QLRPH Chư Mố quản lý và tại tiểu khu 1248, thuộc lâm phần xã Ia Tul quản lý; 01 vụ về tội vi phạm quy định về khai thác, quản lý rừng và lâm sản tại tiểu khu 1229 thuộc lâm phần UBND xã Ia Tul quản lý; 01 vụ cất giữ, mua bán lâm sản trái phép tại Công ty TNHH MTV Lâm Anh.

¹³ Các nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh: 45.456 triệu đồng, đầu tư 27 hạng mục công trình, ước giải ngân đến 31/12/2019, đạt 99%KH; tổng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách huyện 43.119 triệu đồng, đầu tư 23 hạng mục công trình (trong đó tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư 15.498 triệu đồng; nguồn ngân sách huyện khác: 26.621 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 1.000 triệu đồng), ước giải ngân đến 31/12/2019 đạt 93%KH. Tổng vốn đầu tư từ nguồn vốn Chương trình MTQG: 18.660 triệu đồng (trong đó vốn Chương trình giảm nghèo: 13.310 triệu đồng, vốn Chương trình NTM: 5.350 triệu đồng) đầu tư cho 25 hạng mục công trình, ước giải ngân đến 31/12/2019, đạt 100%KH

được 103.914 triệu đồng, đạt 97%KH. UBND huyện đã ban nhiều văn bản chỉ đạo và đi kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các xã đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn; tuy nhiên vẫn còn một số công trình, dự án giải ngân chậm.

1.6. Dự án Giảm nghèo Tây Nguyên: Đã đầu tư hỗ trợ 15 công trình phát triển CSHT cấp xã và thôn với 4.335m đường bê tông nội đồng, tổng kinh phí 5.720 triệu đồng. Đến nay, 10 công trình đã thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng; 5 công trình đang triển khai thi công phần mặt đường bê tông, dự kiến đến 31/12/2019 sẽ hoàn thành 100% khối lượng xây dựng. Tổ chức thực hiện 10 tiểu dự án sinh kế nuôi dê, với 180 hộ tham gia, kinh phí 2.583 triệu đồng; tổ chức 10 lớp tập huấn cho 181 hộ tham gia kỹ thuật chăn nuôi; tổ chức vận hành bảo trì, sửa chữa cho 10 hạng mục công trình.

1.7. Tài nguyên - môi trường: Tổ chức công khai rộng rãi và triển khai nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất đai theo đúng phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện và Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được UBND tỉnh phê duyệt¹⁴. Kết quả việc triển khai các công trình đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quản lý đất đai được thực hiện theo quy định. Triển khai công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Lập thủ tục triển khai thực hiện đo đạc thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và đăng ký cấp giấy CNQSD đất trên địa bàn xã Pờ Tó, Chư Răng, Kim Tân, Ia Kdăm, Chư Mố, Ia Tul; tập trung thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng các công trình, dự án năm 2019 trên địa bàn huyện¹⁵, với tổng diện tích phải thu hồi, giải phóng mặt bằng hơn 313.300m². Phối hợp với các sở ngành xác nhận hiện trạng sử dụng đất giao cho chùa Minh Trí, Giáo xứ Phú Tâm. Giải quyết 86 hồ sơ đăng ký cấp giấy CNQSD đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân, với diện tích 161.628m² (trong đó chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở diện tích 5.071m²). Lũy kế đến nay, tổng diện tích đã cấp giấy CNQSD đất lần đầu là 17.002,68ha/17.680,22ha (tương ứng với 25.213 giấy CNQSD đất), đạt tỷ lệ 96,17% so với nhu cầu diện tích cần cấp giấy CNQSD đất trên toàn huyện, tăng 0,09% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường được tăng cường, kịp thời phát hiện và xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm; Đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh hành vi khai thác đất, đá, cát trái phép trên địa bàn; chỉ đạo cơ quan tài nguyên kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư trong việc lập thủ tục sử dụng đất cấp phối đối với các công trình sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định có san lấp, đề nền; kiểm tra, giám sát 03 mỏ cát được UBND tỉnh cấp phép trên địa bàn xã Ia Trok, Ia Broãi, Ia Tul.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Đại dương Thế giới, Ngày Môi trường Thế giới năm 2019¹⁶. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát môi trường khu vực chôn lấp tiêu hủy lợn vị dịch tả lợn Châu Phi, nhìn chung các khu vực tiêu hủy cơ bản đảm bảo môi trường. Phối hợp với Chi cục BVMT tỉnh kiểm tra 03 cơ sở

¹⁴ Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 phê duyệt PA điều chỉnh QH sử dụng đất đến năm 2020, KH sử dụng đất năm đầu; Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 phê duyệt KH sử dụng đất 2019

¹⁵ Công tác giải phóng mặt bằng: Đã thu hồi, GPMB bãi rác huyện; đường Trần Hưng Đạo; đường giao thông liên huyện từ Quốc lộ 25 huyện Phú Thiện đi Tỉnh lộ 666 thuộc địa phận xã Pờ Tó; dự án di dời, sắp xếp dân cư thôn Blôm, xã Kim Tân; đường Trường Chinh - Lê Lợi - Võ Thị Sáu; Dự án giãn dân thôn Bi Gia, xã Pờ Tó; Dự án trường bán, thao trường huấn luyện, diễn tập quân sự huyện tại xã Pờ Tó...

¹⁶ Tổ chức ra quân "Tháng hành động vì môi trường"; trồng 11.810 cây xanh; treo 46 băng rôn, khẩu hiệu

chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Pờ Tó¹⁷, kết quả phát hiện các cơ sở có xả nước thải ra môi trường làm thiệt hại cây cối, hoa màu của các hộ dân. Sở TN-MT tỉnh đang hoàn chỉnh thủ tục xử phạt vi phạm về môi trường và khắc phục hậu quả môi trường; UBND huyện đã chỉ đạo Phòng TN-MT, xã Pờ Tó thường xuyên giám sát việc khắc phục, việc bồi thường hỗ trợ cho dân bị thiệt hại do xả thải của các cơ sở chăn nuôi.

1.8. Giao thông, vận tải: Hoạt động vận tải đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 326.000 tấn, tăng 38.450 tấn so với CK; khối lượng vận chuyển hành khách đạt 1.282.500 hành khách, tăng 193.500 hành khách so với CK.

1.9. Về đăng ký kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã

Trong năm 2019, đã thu hồi giấy chứng nhận kinh doanh của 31 hộ kinh doanh cá thể; tiến hành cấp mới và cấp đổi 108 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể, nâng tổng số lên 830 hộ; thành lập mới 01 hợp tác xã, cấp đổi 01 Hợp tác xã, nâng tổng số lên 17 hợp tác xã đang hoạt động; có 03 doanh nghiệp thành lập mới, nâng lên thành tổng 39 doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

1.10. Về tài chính, thuế, ngân hàng

a) Tài chính: Tổng thu ngân sách Nhà nước ước thực hiện 431.794 triệu đồng, đạt 146%KH. Trong đó: Thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn ước thực hiện 12.800 triệu đồng, đạt 112%KH tỉnh giao, 111%KH huyện giao; thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh ước thực hiện 301.381 triệu đồng, đạt 105%KH tỉnh, huyện giao.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 377.228 triệu đồng, đạt 127% KH, tăng 10% so với CK. Trong đó một số nhiệm vụ chi chính: Chi thường xuyên ước thực hiện đạt 246.613,79 triệu đồng, đạt 107%KH tỉnh giao, 104%KH huyện giao; chi đầu tư phát triển ước thực hiện đạt 31.187 triệu đồng, đạt 218%KH tỉnh giao, 194%KH huyện giao.

b) Về công tác thuế: Công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế luôn được ngành thuế quan tâm, chú trọng. Quản lý chặt chẽ việc thay đổi tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế; kiên quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với hầu hết thuộc diện phải cưỡng chế. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn cho nên các biện pháp cưỡng chế chưa phát huy hiệu quả. Tổng thu do ngành thuế quản lý ước thực hiện cả năm 2019: 9.700 triệu đồng, đạt 102%KH; trong đó thuế CTN và dịch vụ 4.487 triệu đồng, đạt 99%KH, tiền sử dụng 1.543 triệu đồng, đạt 154%KH.

c) Ngân hàng: Năm 2019, UBND huyện bổ sung 1 tỷ đồng, ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách. Tổng vốn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội ước đạt 265.942 triệu đồng, tổng dư nợ 265.427 triệu đồng, doanh số cho vay đạt 85.982 triệu đồng, doanh số thu nợ 68.918 triệu đồng, tổng dư nợ quá hạn 401 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,15% tổng dư nợ. Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tổng vốn huy động ước đạt 196.000 triệu đồng, tăng 17% so với CK, dư nợ cho vay 490.000 triệu đồng, nợ xấu 4.625 triệu đồng, chiếm dưới 1,06% tổng dư nợ.

¹⁷ Công ty: CP Nông nghiệp VINAFARM, CP chăn nuôi xanh GIC, CP thương mại dịch vụ Nhất Trần

1.11. Thực hiện tốt Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Theo kết quả công bố sơ bộ (đến ngày 01/4/2019) dân số trên địa bàn huyện 13.011 hộ với 56.424 người (trong đó nam 28.237 người, nữ 28.187 người).

2. Về lĩnh vực văn hoá-xã hội

2.1. Về giáo dục: Kết thúc năm học 2018 - 2019, toàn huyện có 32 đơn vị trường học¹⁸, có 422 lớp với 12.346 học sinh; có 703 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong biên chế và hợp đồng 68. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT quốc gia năm học 2018-2019 đạt 79,45%¹⁹. Hoàn thành công tác xét tốt nghiệp THCS, bổ túc THCS và hoàn thành chương trình tiểu học²⁰. Công tác huy động học sinh ra lớp được triển khai tích cực, duy trì và đạt kết cao, đạt kế hoạch đề ra²¹. Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm 01 trường, nâng lên đạt 9 trường²².

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; có 100% các đơn vị trường học được công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn "Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích". Tổ chức thành công và tham gia đầy đủ các hội thi²³ cho giáo viên và học sinh năm 2019. Tổ chức phát động Tuần lễ "Học tập suốt đời năm 2019" với chủ đề "Đọc và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại" tại Trường THCS Phan Bội Châu. Tổ chức 5 đợt tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên. Phối hợp với Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai tổ chức đào tạo bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số Jrai, Tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho 92 học viên là CBCCVC huyện, xã; phối hợp với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nam Gia Lai quản lý học tập, sinh hoạt đối với 17 học viên lớp trung cấp bảo vệ thực vật.

2.2. Về y tế và bảo hiểm xã hội

Công tác phòng chống dịch bệnh, cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân được ngành y tế quan tâm, chú trọng, bảo đảm tất cả người bệnh cấp cứu đều được khám và điều trị kịp thời²⁴. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, giám sát dịch bệnh tiếp tục được triển khai thực hiện tốt²⁵. Trong năm 2019, trên địa bàn không có ngộ độc thực phẩm xảy ra, tuy nhiên, số ca sốt xuất huyết, sốt rét, lao tăng so với cùng kỳ (*số ca sốt xuất huyết 663 ca, tăng 535 ca; số ca sốt rét 323 ca, tăng 192 ca; bệnh lao 40 ca, tăng 12 ca*), không có bệnh nhân tử vong do sốt rét.

¹⁸ Có 9 trường MN, 10 trường TH, 8 trường THCS, 3 trường TH&THCS, 2 trường THPT

¹⁹ Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT: Trường THPT Phan Chu Trinh 45/53 em, đạt 84,91%, Trường THPT Nguyễn Tất Thành 129/136 em, đạt 94,85%, Trung tâm GDNN-GDTX là 27/64 em, đạt 42,3%.

²⁰ Kết quả: Học sinh hoàn thành chương trình cấp học đối với TH đạt 98,9%, THCS đạt 99%.

²¹ Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo 82%, trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo 99,8%, học sinh đi học đúng độ tuổi bậc TH 99%, học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS 86%

²² Trường THCS Nội trú, Hai Bà Trưng, Phan Bội Châu; Trường TH Võ Thị Sáu, Lý Tự Trọng, Lê Quý Đôn; Trường MN Tuổi Thơ, Hoa Pơ Lang, Sơn Ca

²³ Hội thao cấp huyện và tham gia thi cấp tỉnh; kỳ thi học sinh giỏi 6, 7, 8, 9; hội thi tin học trẻ, Violympic, giáo viên dạy giỏi; hội thi Aerobic bậc học mầm non; hội thi "Chúng em kể chuyện Bác Hồ"

²⁴ Khám chữa bệnh cho hơn 69.970 lượt người; tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 4.350 lượt người, công suất sử dụng giường bệnh tại bệnh viện đạt 102%, tăng 5% so với cùng kỳ; tỷ lệ bệnh nhân điều trị khỏi tại bệnh viện đạt 80%

²⁵ Đã tổ chức tiêm chủng đủ liều cho 1.150 trẻ dưới 1 tuổi, tiêm chủng uống vắc xin cho 1.001 phụ nữ có thai; Các chương trình phòng, chống sốt rét, xuất huyết, sởi, bệnh chân - tay - miệng, ngộ độc thực phẩm được triển khai tích cực.

Trong năm 2019, đã tổ chức 03 đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Tháng hành động vì an toàn thực phẩm đối với 160 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 05 cơ sở vi phạm, với tổng số tiền 5,1 triệu đồng.

Công tác Bảo hiểm xã hội: Trên địa bàn huyện có hơn 54.380 đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, đạt 99,2% kế hoạch. Tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN đạt 55/68,67 tỷ đồng, bằng 80%KH, tăng 14,5% so với cùng kỳ; thực hiện giải quyết và chi trả tiền bảo hiểm trên 18 tỷ đồng, đạt 80%KH, giải quyết chế độ BHXH cho 425 người. Trong năm 2019, đã cấp 130 sổ BHXH cho người lao động tham gia BHXH; 6.336 thẻ BHYT cho các đối tượng.

3.3. Về văn hoá - thông tin, truyền thanh - truyền hình, thông tin – truyền thông:

Trong năm 2019, các hoạt động thông tin – tuyên truyền, phát thanh truyền hình đã kịp thời đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương²⁶. Các phong trào thể dục – thể thao được phát động sôi nổi từ huyện đến xã góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân²⁷. Thư viện huyện thực hiện tốt thời gian mở cửa phục vụ nhu cầu đọc, truy cập Internet và mượn sách tại thư viện huyện; phối hợp với thư viện tỉnh đưa sách về phục vụ lưu động tại xã Pờ Tó và Ia Broãi; lập danh mục sách mới luân chuyển xuống cơ sở và Trường THCS Dân tộc Nội trú hơn 500 đầu sách; tổ chức Ngày Sách Việt Nam tại Trường THCS Dân tộc Nội trú thu hút đông đảo học sinh tham gia.

Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc được quan tâm: Phối hợp với vờ Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San tổ chức phục dựng thành công Lễ mừng Lúa mới tại xã Chư Mố, phục dựng lễ cúng bến nước tại xã Ia Tul; phối hợp với Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật tỉnh Gia Lai mở 4 lớp học về đan lát, dệt thổ cẩm, công chiêng theo Đề án 02/ĐA-BTV của Ban Thường vụ Huyện ủy (trong đó: 02 lớp truyền dạy công chiêng, 01 lớp dệt thổ cẩm, 01 lớp đan lát), với 114 học viên tham dự.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần củng cố và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân huyện nhà; chất lượng các danh hiệu văn hóa ngày càng có chiều sâu, phù hợp với thực tế địa phương. Kết quả: có 7.447 hộ gia đình văn hóa công nhận gia đình văn hóa, đạt 57%, không đạt kế hoạch; có 40 thôn/làng được công nhận thôn/làng văn hóa; 55 đơn vị được công nhận công sở văn hóa.

²⁶ Tổ chức tuyên truyền, cổ động 22 đợt bằng xe Lưu động, treo 100 câu băng rôn khẩu hiệu; 1.500 cờ đuôi nheo, cờ chuổi; biểu diễn 45 đêm văn nghệ tại các thôn làng trên địa bàn 9 xã và phối hợp với Nhà hát ca múa nhạc Đam San tổ chức biểu diễn văn nghệ và chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân các xã. Đã thực hiện 251 chương trình phát thanh; thực hiện 14 chuyên mục phát thanh; 13 chuyên mục truyền hình và 111 tin truyền hình phát trên sóng Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; dựng 01 chương trình phát thanh tổng hợp và 04 phóng sự phát thanh – tuyên hình tham gia Liên hoan phát thanh – Truyền hình tỉnh Gia Lai lần thứ IX năm 2019.

²⁷ Các phong trào thể dục – thể thao: Tổ chức thành công Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, với 500 người tham gia; tham dự Hội thao ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh; hội thi văn hóa, thể thao các DTTS tỉnh Gia Lai lần thứ III, với các nội dung: Diễn xướng công chiêng, dân vũ, bóng chuyền nam, đẩy gậy, kết quả đạt huy chương vàng môn đẩy gậy nam; tổ chức thành công giải bóng đá năm (05 người) năm 2019; tham dự giải vô địch Karatedo, Vovinam tại tỉnh, kết quả đạt huy chương bạc; tổ chức thành công giải bóng chuyền truyền thống huyện lần thứ XVII, với sự tham gia của 12 đội, gần 200 vận động; tổ chức thành công giải bóng đá truyền thống lần thứ XVII, với 12 đội tham dự.

Toàn huyện có 01 Cổng thông tin điện tử huyện và 09 Trang thông tin điện tử xã. Hầu hết các thông tin chỉ đạo, điều hành của huyện được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử. Có 01 Bưu điện huyện, 08 Bưu điện văn hóa xã và 01 đại lý; hiện nay, các bưu điện văn hóa xã được sửa chữa khang trang, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân về bưu chính, chuyển phát và các dịch vụ bưu điện.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thuộc mạng lưới viễn thông được các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động ổn định. Toàn huyện có 3.300 thuê bao điện thoại, 940 thuê bao internet, 03 điểm truy cập internet công cộng, số lượng trạm BTS: 9 trạm 2G, 10 trạm 3G và 05 trạm 4G đăng ký từ doanh nghiệp VNPT. Đối với doanh nghiệp Viettel: toàn huyện có 6.500 thuê bao điện thoại, 576 thuê bao internet, 12 điểm truy cập internet công cộng, số lượng trạm BTS: 10 trạm.

2.4. Lao động - thương binh và xã hội

Chỉ đạo các ngành, UBND các xã xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, đảm bảo đến cuối giảm được ít nhất 6%. Qua kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo giảm được 5,6%, gần đạt kế hoạch HĐND huyện giao. Công tác đào tạo nghề lao động nông thôn, giải quyết việc làm có nhiều kết quả tích cực. Phối hợp với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nam Gia Lai cấp Giấy chứng nhận học nghề lao động nông thôn cho 117 học viên và mở 5 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 134 học viên.

Quản lý và chi trả đầy đủ, kịp thời trợ cấp hàng tháng cho 204 đối tượng người có công cách mạng (NCCCM), 1.119 đối tượng Bảo trợ xã hội (BTXH) trên địa bàn huyện theo quy định. Ban hành quyết định cho 67 đối tượng BTXH hưởng trợ cấp, 12 Quyết định điều chỉnh trợ cấp xã hội, 67 Quyết định cắt trợ cấp xã hội và hỗ trợ mai táng phí đối với 42 đối tượng BTXH. Tổ chức chu đáo các hoạt động thăm, tặng quà cho các đối tượng chính, trẻ em sách trong dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ²⁸. Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho 03 hộ gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn bị cháy nhà hoàn toàn tại xã Ia Broãi, Pờ Tó, Ia Kdăm, với số tiền 65,4 triệu đồng. Cấp 1.710 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng được nhà nước hỗ trợ đóng (829 thẻ cho người nghèo, 708 thẻ người cận nghèo và 173 thẻ cho người thuộc diện hộ có mức sống trung bình).

Chỉ đạo Phòng Lao động - TB&XH tổ chức khắc phục các tồn tại, hạn chế theo Kết luận thanh tra của Sở Lao động - TB&XH về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công cách mạng, bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện.

2.5. Công tác dân tộc

²⁸ Tổ chức thăm và tặng quà Tết của Chủ tịch nước, của tỉnh, huyện cho người có công cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, với số tiền hơn 300 triệu đồng; cấp phát 45.000kg gạo cứu đói cho 780 hộ, 2.793 khẩu trong dịp Tết và thời gian giáp hạt; xuất Quỹ Đền ơn đáp nghĩa huyện tặng 10 sổ tiết kiệm (5 triệu đồng/sổ) cho NCCCM có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán cho 200 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện. Nhân dịp kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ, tổ chức thăm, tặng quà cho 72 gia đình chính sách, người có công tiêu biểu với tổng số tiền là 36 triệu đồng và lập danh sách 113 đối tượng NCCCM nhận quà của Chủ tịch nước với tổng số tiền là 22,6 triệu đồng. Tổ chức vui Tết Trung thu năm 2019 cho trẻ em trên địa bàn huyện. Tiếp nhận và cấp phát 8 suất học bổng (1 triệu đồng/suất và 1 sổ tiết kiệm (10 triệu đồng/sổ) cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong Tháng hành động vì trẻ em năm 2019 do UBND tỉnh tổ chức; tiếp nhận 15 suất bổng (1 triệu đồng/suất) do Sở Lao động-TB&XH tỉnh tặng học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Lễ khai giảng năm học mới.

Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện lần thứ III năm 2019 và tổ chức tuyên dương các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu. Các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được triển khai tích cực²⁹. Phê duyệt danh sách cấp bổ sung thẻ BHYT năm 2018 cho 229 người đồng bào dân tộc thiểu số và người Kinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tại các xã. Phối hợp Ban Dân tộc tỉnh thăm và tặng quà cho 07 hộ gia đình người có uy tín bị thiên tai, hỏa hoạn. Cấp phát 35.820 bản báo và tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng ĐBKK theo Quyết định 59/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức tập huấn cung cấp thông tin và thăm hỏi tặng quà cho 40 người có uy tín, với tổng kinh phí là 35,675 triệu đồng. Phối hợp với Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển miền núi cấp phát 43.037kg phân bón NPK, 185 con bò cái sinh sản cho 185 hộ nghèo là người DTTS trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2021.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

a) Về an ninh chính trị: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện tiếp tục được giữ vững, ổn định. Các đối tượng FULRO, “TLĐG” trên địa bàn được quản lý chặt chẽ, không có điều kiện móc nối với các đối tượng bên ngoài để có các hoạt động phức tạp tại địa phương. Tuy nhiên, qua năm bắt các đối tượng vẫn chưa từ bỏ tư tưởng tái phục hồi “TLĐG”. Trong năm, đã tổ chức gọi hỏi, răn đe, giáo dục 23 đối tượng FULRO, “TLĐG”; phối hợp với Công an tỉnh gọi hỏi, đấu tranh bóc gỡ và đưa ra kiểm điểm 02 đối tượng liên quan dấu hiệu hoạt động phục hồi FULRO, “TLĐG”; tiếp xúc 04 đối tượng có chuyển biến tốt về tư tưởng để tranh thủ vận động đối với 05 đối tượng cầm đầu cốt cán; tiếp xúc tranh thủ 515 lượt cán bộ chủ chốt, già làng, trưởng thôn, người có uy tín, chức sắc trong tôn giáo để phục vụ công tác nắm tình hình. Công tác quản lý hoạt động người nước ngoài đến địa bàn huyện thăm, du lịch, lao động được chặt chẽ (có 14 lượt Việt Kiều và 44 lượt nước ngoài); qua công tác nắm tình hình chưa phát hiện dấu hiệu lợi dụng hoạt động nhập cảnh xâm phạm an ninh quốc gia. Công tác quản lý kiều hối, tiền hàng có yếu tố nước ngoài³⁰ được thực hiện nghiêm túc, chưa phát hiện việc sử dụng tiền gửi vào hoạt động chống phá.

b) Về trật tự an toàn xã hội

+ Phạm pháp trật tự xã hội: Xây ra 20 vụ³¹, tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm 2018, thiệt hại do tội phạm gây ra làm chết 02 người, bị thương 02 người và thiệt hại về tài sản khoảng 400 triệu đồng.

²⁹ Triển khai xây dựng, duy tu sửa chữa 7 công trình giao thông nông thôn, với chiều dài 3,935km và 02 công trình giếng khoan với tổng vốn đầu tư là 6.660 triệu đồng. Đến nay đã hoàn thành đạt 99,44% kế hoạch và giải ngân được 5.563,5 triệu đồng, đạt 83,45% so với kế hoạch. Phê duyệt và triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (hỗ trợ 69 con bò cái sinh sản cho 57 hộ) và dự án nhân rộng mô hình (hỗ trợ 63 con dê lai bách thảo cho 15 hộ), với tổng kinh phí 1.616,7 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương 1.344,8 triệu đồng, ngân sách tỉnh 134 triệu đồng, nhân dân đóng góp 137,9 triệu đồng. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, với tổng kinh phí 125 triệu đồng

³⁰ Có 226 lượt gửi tiền, hàng có yếu tố nước ngoài về cho thân nhân trên địa bàn với số tiền 81.317 USD (trong đó có 32 lượt liên quan đến đối tượng FULRO, “TLĐG”), với số tiền 16.436 USD

³¹ Gồm: 01 vụ giết người, 8 vụ trộm cắp tài sản, 03 vụ đánh bạc, 01 chống người thi hành công vụ, 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 01 vụ làm nhục người, 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 01 vụ cướp tài sản, 02 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ hủy hoại tài sản

+ Vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường: Xảy ra 16 vụ³², tăng 01 vụ so với cùng kỳ; đã thu trên 65m³ gỗ các loại, 43 quả pháo nổ, 9 cây thuốc JET, 05 xe công nông, 03 xe độ chế và 01 xe ô tô.

+ Vi phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng: Xảy ra 07 vụ, tăng 05 vụ so với cùng kỳ (gồm 01 vụ tham ô tài sản, 03 vụ vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản và 03 vụ hủy hoại rừng); thiệt hại 137 triệu đồng, 5,4ha đất rừng tự nhiên và rừng phòng hộ, 50m³ gỗ các loại.

+ Phạm pháp về ma túy: Không xảy ra, giảm 01 vụ, 02 đối tượng so với cùng kỳ.

+ Tai nạn giao thông: Xảy ra 16 vụ³³ (12 vụ nghiêm trọng và 04 vụ ít nghiêm trọng), làm 12 người chết, 14 người bị thương, 19 xe mô tô, 01 xe đạp bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản khoảng 60 triệu đồng (tăng 04 vụ, 06 người chết và giảm 01 người bị thương so với năm 2018).

+ Tai nạn xã hội: Xảy ra 10 vụ, giảm 03 vụ, giảm 08 người chết so với cùng kỳ; làm chết 07 người, bị thương 04 người bị thương. Ngoài ra, xảy ra 03 vụ cháy nhà sàn, thiệt hại khoảng 700 triệu đồng; giảm 01 vụ, tăng 01 người.

+ Công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ và phối hợp với Phòng CSGT Công an tỉnh tuần tra đã phát hiện 1.754 trường hợp vi phạm, xử phạt tại chỗ 651 trường hợp, với số tiền 74,750 triệu đồng, xử phạt vi phạm hành chính 1.042 trường hợp, với số tiền hơn 1 tỷ đồng nộp ngân sách Nhà nước; tước giấy phép lái xe ô tô 30 trường hợp, mô tô 63 trường hợp, tạm giữ 28 xe ô tô, 71 giấy tờ xe ô tô, 575 xe mô tô, 237 giấy tờ xe mô tô và 39 loại phương tiện khác. Lập biên bản và xử phạt 20 trường hợp xe chở quá khổ, quá tải, với số tiền 86,7 triệu đồng; 08 trường hợp xe ô tô hết niên hạn, kiểm định, với số tiền: 78,3 triệu đồng; Đăng ký 1.200 trường hợp xe mô tô, xe gắn máy.

Ngoài ra, đã tổ chức 22 buổi tuyên truyền pháp luật về ATGT tại 11 trường học, 18 thôn của 9 xã, 06 điểm sinh hoạt tôn giáo, với hơn 8.590 người tham dự; đưa 19 tin bài tuyên truyền cảnh báo và biện pháp phòng ngừa TNGT. Công tác vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo đạt kết quả tích cực³⁴, tổ chức tuyên truyền, dán 21 áp phích và phát 10.000 tờ rơi tuyên truyền về các quy định của pháp luật về VK, VLN, CCHT để nhân dân biết, giao nộp.

3.2. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Quán triệt và thực hiện nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu; phối hợp với lực lượng Công an nắm chắc tình hình ANCT trên địa bàn, bảo đảm an toàn trong các dịp Lễ, Tết, các sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Quân đội địa phương. Tổ chức luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu theo quy định, xử lý kịp thời, có hiệu quả mọi tình huống xảy ra. Công tác huấn luyện, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng được thực hiện đúng kế hoạch³⁵. Tổ

³² Gồm: 13 vụ vi phạm về khai thác và bảo vệ rừng; 02 vụ vận chuyển, tàng trữ, mua bán hàng cấm, 01 vụ vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản

³³ Nơi xảy ra tai nạn: Tuyến đường quốc lộ 06 vụ; đường liên tỉnh, liên xã 09 vụ, đường nội đồng 01 vụ. Nguyên nhân: 06 vụ thiếu chú ý quan sát, vi phạm tốc độ 05 vụ, 05 vụ đi không đúng phân đường, làn đường, 02 vụ do sử dụng rượu bia. Phương tiện gây tai nạn: Chủ yếu là xe ô tô, mô tô, công nông

³⁴ Vận động thu hồi 1176 vũ khí các loại gồm: 52 khẩu súng tự chế, 02 đầu đạn pháo, 01 quả lựu đạn, 05 công cụ hỗ trợ và 116 vũ khí thô sơ các loại; tổ chức tiêu hủy 91 khẩu súng tự chế, 196 quả pháo, 83 vũ khí thô sơ các loại đảm bảo an toàn

³⁵ Huấn luyện DQTV 15/15 đầu mối (9 xã và 6 đầu mối tự vệ cơ quan), tổng số 764/825 đồng chí, đạt 92,6%, kết quả qua kiểm tra 100% đạt yêu cầu (trong đó có 75% khá, giỏi); huấn luyện cho 94/99 đ/c lực lượng DBĐV, đạt

chức diễn tập chiến đấu phòng thủ tại 3 xã (Kim Tân, Pờ Tó, Chư Mố); kết quả đạt khá, bảo đảm an toàn.

3.3. Công tác tiếp dân và thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo

Duy trì tiếp công dân thường xuyên và định kỳ theo quy định đã tiếp 52 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (*cấp huyện 22 lượt, cấp xã 30 lượt*); tiếp nhận 58 đơn (*Trong đó: cấp huyện 22 đơn, cấp xã 36 đơn*). Nội dung: Kiến nghị về đất đai khi nhà nước thu hồi xây dựng Trung tâm huyện nhưng chưa làm lại bìa đồ đất ở cho các hộ gia đình bị thu hồi; tranh chấp đất đai, ô nhiễm môi trường và một số tranh chấp trong nội bộ nhân dân... Kết quả đã giải quyết xong 41 đơn thuộc thẩm quyền cấp huyện, xã (*Cấp huyện: 12 đơn kiến nghị; cấp xã 29 đơn kiến nghị, phản ánh*); đang xem xét giải quyết 06 đơn kiến nghị, phản ánh, lưu 01 đơn kiến nghị; chuyển, hướng dẫn 10 đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công tác thanh tra cũng được chú trọng; trong năm đã tiến hành 08 cuộc thanh tra³⁶ tại 26 đơn vị (*01 cuộc thanh tra năm 2018 chuyển qua, 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2019; 02 cuộc thanh tra bổ sung và 01 cuộc thanh tra theo chuyên đề diện rộng của Thanh tra Chính phủ*). Hiện nay, đã kết thúc 06/08 cuộc thanh tra tại 23 đơn vị; kết quả: Thu hồi số tiền 29.107.000 đồng sai phạm trong quá trình chấp hành chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tại UBND xã Ia Tul; chỉ đạo tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân của UBND 9 xã trên địa bàn huyện để xảy ra sai phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và trồng cây phân tán trên địa bàn huyện. Ban hành kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 trên địa bàn huyện. Trong năm đã tiến hành và kết thúc 01 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định về PCTN tại xã Pờ Tó, Kim Tân, Ia Trôk. Qua thanh tra, các đơn vị cơ bản thực hiện đúng các quy định về phòng, chống tham nhũng.

3.4. Công tác tư pháp, thi hành án

a) Công tác tư pháp: Ban hành kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở. Trong năm, đã tổ chức tuyên truyền 73 buổi, với 5.244 lượt người tham gia; cấp phát 3.000 tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật xuống thôn, làng; hòa giải thành công 50/61 vụ, đăng ký kết hôn 386 trường hợp, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài cho 03 trường hợp, khai sinh cho 1.195 trường hợp, khai tử 270 trường hợp; chứng thực, sao y các loại 15.340 trường hợp. Ngoài ra, đã ban hành Kế hoạch về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi về xử lý vi phạm hành chính năm 2019.

b) Công tác thi hành án: Đã thụ lý 322 việc, tăng 16 việc so với cùng kỳ, trong đó: Có điều kiện thi hành 245 việc, với số tiền hơn 1,512 tỷ đồng; chưa có điều kiện

94,95%; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng 2, 3, 4 là 224 đồng chí; giáo dục quốc phòng an ninh cho 796 em học sinh trường THPT Phan Chu Trinh và Nguyễn Tất Thành. Tổ chức tập huấn công tác GDQP&AN cho đội ngũ cán bộ báo cáo viên cấp xã cho 60đ/c

³⁶ Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo tại UBND các xã Ia Broãi, Ia Tul, Chư Mố, Ia Kđăm; Thanh tra việc chấp hành chi trả dịch vụ môi trường rừng tại UBND các xã Ia Broãi, Ia Tul, Chư Mố, Ia Kđăm, Kim Tân, Chư Răng; Thanh tra sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu đóng góp tự nguyện phụ huynh học sinh (*tại 02 trường Tiểu học Lê Văn Tâm, Lê Quý Đôn và 02 trường THCS Hai Bà Trưng, Lương Thế Vinh*); Thanh tra ngân sách xã và đầu tư xây dựng cơ bản do UBND xã Pờ Tó làm chủ đầu tư; Thanh tra toàn diện công tác quản lý, bảo vệ rừng do các xã quản lý trên địa bàn huyện; Thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ trồng cây phân tán trên địa bàn huyện; Thanh tra chuyên đề diện rộng việc sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế, đầu thầu thuốc chữa bệnh.

thi hành 75 việc, với số tiền hơn 3,860 tỷ đồng. Đã thi hành xong 188 việc, đạt 77% tổng số việc có điều kiện thi hành; đã thu số tiền hơn 640 triệu đồng, bằng 42%.

3.5. Công tác nội vụ: Công tác bổ nhiệm, tiếp nhận, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng lương thường xuyên và giải quyết chế độ, chính sách cho CBCCVV được thực hiện đúng quy định³⁷. Trong năm, đã chuyển đổi vị trí công tác 15 công chức; công tác xây dựng chính quyền được chú trọng³⁸. Ngoài ra, đã thành lập, kiện toàn một số Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức, Tổ công tác³⁹ theo quy định.

a) Về thi đua khen thưởng

+ Tổ chức gặp mặt gương điển hình tiên tiến nhân Ngày Truyền thống Thi đua yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc. Ký kết nội dung, tiêu chí giao ước thi đua của Cụm thi đua số 3. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, CCVC thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019-2025.

+ Chủ tịch UBND huyện đã khen thưởng cho 82 tập thể, 195 cá nhân, 04 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong các hoạt động phong trào. Công nhận danh hiệu thi đua cho 45 tập thể, 712 cá nhân, chiến sỹ thi đua cơ sở 85 cá nhân và 05 thôn, làng.

b) Công tác tôn giáo

Tiếp tục chấn chỉnh một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại các cơ sở thờ tự Phật giáo; hướng dẫn, quản lý các hoạt động tôn giáo trong dịp Lễ Phục sinh, Lễ Phật đản. Hầu hết các tôn giáo hoạt động trên địa bàn đều chấp hành đúng các quy định, chưa phát hiện vụ việc lợi dụng tôn giáo để gây phức tạp về ANTT. Qua công tác nắm tình hình hiện nay, trên địa bàn chưa phát hiện hoạt động của các loại tà đạo. Tuy nhiên, có 02 đối tượng đang tập luyện pháp luân công trên địa bàn xã Ia Mơn và Ia Trók, mục đích của 02 đối tượng trên là để rèn luyện sức khỏe, các tài liệu tập luyện được tải từ mạng Internet; ngành chức năng đã mời làm việc, cho các

³⁷ Tuyển dụng 20 công chức, viên chức; điều động, bổ nhiệm 53 CCVC; bổ nhiệm 03 công chức lãnh đạo; chuyển 01 viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 07 CBCCVV lãnh đạo, quản lý; điều động 02 hợp đồng theo Nghị định 68; tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ trí 18 CCVC; điều động và phân công lại nhiệm vụ đối với 09 công chức Tư pháp – hộ tịch, Văn phòng – Thống kê, Trưởng Công an cấp xã; cho 08 CCVC nghỉ hưu trí và 01 viên chức, 02 công chức xã nghỉ việc theo nguyện vọng, 02 viên chức nghỉ hưu trước tuổi và 05 cán bộ xã nghỉ việc để giải quyết chế độ; công nhận và bổ nhiệm vào ngạch 02 công chức; kỷ luật 01 viên chức quản lý giáo dục và 01 công chức kế toán xã; nâng lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên cho 187 CBCCVV cấp huyện, xã. Giao chỉ tiêu biên chế năm 2019 cho 13 cơ quan, đơn vị thuộc huyện; số người làm việc, hợp đồng tại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao. Cử 37 CBCCVV tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; 03 CCVC đi bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình chuyên viên; 03 CCVC đi bồi dưỡng QLNN chương trình chuyên viên chính; 01 cán bộ công chức tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QLHCNN chương trình chuyên viên cao cấp

³⁸ Miễn nhiệm 04 Phó Trưởng Công an, bổ nhiệm 01 Phó Trưởng Công an, bổ nhiệm 10 chính trị viên Ban CHQS và 02 Chính trị viên Phó Ban CHQS; miễn nhiệm 05 chính trị viên Ban CHQS xã. Phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung 02 chức danh Phó Chủ tịch, Chủ tịch UBND xã

³⁹ Tổ chức thành lập: Đoàn kiểm tra liên ngành về VSATTP; Tổ đánh giá kết quả thực hiện các mô hình, dự án nông nghiệp; Ban tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Ban chỉ đạo phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi; Ban tổ chức giải bóng chuyền truyền thống huyện Ia Pa lần thứ XVII; Ban chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Ia Pa lần thứ III năm 2019; Hội đồng Tư vấn xét duyệt thôn, làng đặc biệt khó khăn sau khi sáp nhập thôn, làng,.... Tổ chức kiện toàn: Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP, Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội; Tổ công tác kiểm tra liên ngành về khai thác khoáng sản; Ban chỉ đạo huy động học sinh đến trường và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập huyện Ia Pa giai đoạn 2015 - 2020; Hội đồng bồi dưỡng, hỗ trợ tái định cư huyện; Hội đồng Thi đua khen thưởng; Hội đồng Sáng kiến huyện; Ban chỉ đạo phòng, chống bệnh sốt xuất huyết; Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện; Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm huyện; Hội đồng Quản lý quỹ bảo trợ trẻ em., Ban chỉ đạo đơn đốc chống thất thu ngân sách nhà nước...

đổi tượng cam kết không tuyên truyền Pháp luân công, không tụ tập đông người gây ảnh hưởng về ANTT.

3.6. Công tác cải cách hành chính:

Công tác cải cách hành chính của huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền CCHC được quan tâm, ngay từ đầu năm UBND huyện đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2019, kế hoạch đã thể hiện rõ nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020. Việc thực hiện niêm yết, công khai TTHC được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời đúng quy định: từ đầu năm đến nay đã thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ 302 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện trên Cổng thông tin điện tử huyện, Bộ phận một cửa huyện, hầu hết các TTHC được niêm yết, công khai đã tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận để tra cứu, tìm hiểu thông tin TTHC. Tính đến ngày 01/11/2019, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện đã tiếp nhận 2.787 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn 2.659 hồ sơ, đang giải quyết 128 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Đến nay, 9/9 xã đã thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử.

Việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước cũng có những bước chuyển biến; trong năm đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cấp 118 chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ cho các cá nhân là lãnh đạo và kế toán các đơn vị trên địa bàn huyện. Dự kiến đến cuối năm, sẽ hoàn thành việc triển khai sử dụng chứng thư số trên hệ thống quản lý văn bản điều hành; công khai tiến độ giải quyết TTH trên Cổng thông tin điện tử huyện theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh. Ngoài ra, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng cho năm 2019; đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết TTHC nhằm duy trì và cải tiến chất lượng giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn ISO. Dự kiến vào cuối tháng 12/2019, UBND huyện sẽ hoàn thành việc kiểm tra đánh giá nội bộ việc áp dụng, duy trì cải tiến chất lượng ISO theo đúng thời gian quy định; xây dựng kế hoạch chuyển đổi hệ thống ISO 9001:2008 sang Hệ thống ISO 9001:2015 để thực hiện vào năm 2020.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2019, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chính trị đạt được một số kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh: Tổng diện tích gieo trồng cơ bản đạt và vượt kế hoạch đã đề ra, công tác giống và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật được quan tâm và đã đạt được kết quả tích cực, việc triển khai liên kết đầu tư, tiêu thụ sản phẩm một số loại cây trồng đã được quan tâm; công tác phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi được chỉ đạo quyết liệt; công tác phát triển chăn nuôi, lai cải tạo đàn bò được triển khai thường xuyên. Công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý tài nguyên khoáng sản được chỉ đạo thường xuyên; chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực ngay từ đầu năm và đã đạt được một số chỉ tiêu, tiêu chí dự kiến đã đề ra; thu ngân sách vượt kế hoạch, thực hiện chi ngân sách đúng theo quy định. Lĩnh vực Văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực: Công tác giáo dục được chỉ đạo ngay từ đầu năm học do đó việc dạy và học của giáo viên và học sinh đã từng bước được nâng lên, nhất là duy trì sĩ số

học sinh được chỉ đạo quyết liệt; hoạt động dạy và học đảm bảo theo kế hoạch, các đề án, kế hoạch, chương trình phát triển giáo dục - đào tạo, các nhiệm vụ trọng tâm của năm học được toàn ngành thực hiện nghiêm túc, tích cực. Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng được đẩy mạnh, nhất là khám và chữa bệnh cho nhân dân được nâng lên; chỉ đạo kịp thời công tác phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, sốt rét do đó đã giảm thiểu bệnh diễn ra trên diện rộng. Việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được chỉ đạo, quan tâm bằng nhiều chương trình, dự án, nguồn vốn hỗ trợ, với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu không còn hộ nghèo là người có công; lao động việc làm tiếp tục có bước phát triển. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả, công tác giao quân đạt 100% chỉ tiêu; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai thường xuyên. Do đó, tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường, các hoạt động tôn giáo chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, cải cách hành chính được chỉ đạo, triển khai kịp thời. Thực hiện tốt tiếp công dân định kỳ đã hạn chế được mức thấp nhất những bức xúc của người dân. Triển khai kịp thời Nghị quyết 18, 19 về sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp, sáp nhập các thôn, làng không đủ điều kiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế, văn hóa-xã hội vẫn còn một số hạn chế, khó khăn: Một số chỉ tiêu như: Diện tích cây mía, trồng rừng, công nhận gia đình văn hóa không đạt chỉ tiêu HĐND huyện giao, giảm tỷ lệ hộ nghèo gần đạt kế hoạch (5,6/6%). Tình hình dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, bị bệnh khảm lá vi rút gây hại cây sắn được chỉ đạo quyết liệt nhưng chưa xử lý triệt để, sâu keo mùa thu phá hại cây ngô làm giảm năng suất, dịch tả lợn Châu Phi bùng phát phải tiêu hủy hơn 9.300 con, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì và tái đàn heo. Tình trạng vi phạm quản lý bảo vệ rừng vẫn còn xảy ra và diễn biến phức tạp, trong năm đã phát hiện nhiều vụ phá rừng, khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản trái phép, nhất là các vùng giáp ranh giữa các huyện, vai trò trách nhiệm của một số cơ quan, các chủ rừng chưa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và chủ rừng chưa tốt trong việc tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm khai thác, vận chuyển, cất giấu lâm sản; vụ cất giữ, mua bán lâm sản trái phép tại Công ty TNHH MTV Lâm Anh cơ quan báo chí phản ánh, Tỉnh ủy, UBND tỉnh phải chỉ đạo xử lý; công tác thu hồi đất rừng bị lấn chiếm còn chậm dẫn đến công tác trồng rừng không đạt kế hoạch. Một số dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do các xã làm chủ đầu tư chậm hoàn thành thủ tục, công tác giải phóng mặt bằng chậm được triển khai. Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, một số xã không đạt số lượng tiêu chí theo kế hoạch. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2019 vẫn còn thấp so với toàn tỉnh, tình trạng học sinh vắng học nhiều ngày theo mùa vụ vẫn còn ở mức cao. Công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa hiệu quả chưa cao; công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục thể thao chưa thu hút được đầu tư từ bên ngoài. Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết, sốt rét tăng so với cùng kỳ. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp và có chiều hướng gia tăng; phạm pháp hình sự, phạm pháp kinh tế, tai nạn giao thông tăng so với cùng kỳ, tình trạng cho vay với lãi suất cao trong nhân dân chưa được xử lý triệt để. Chưa xử lý kiên quyết trách

nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao dẫn đến 1 số nhiệm vụ ở một số cơ quan, các xã còn chậm.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2020

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2015-2020) và chuẩn bị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2021-2025), yêu cầu các ngành, địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

I. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Tốc độ gia tăng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010): 11,3%. Trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng 6,5%; Công nghiệp - xây dựng tăng 15,5%; Thương mại - Dịch vụ tăng 14,8%;

2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp: 55%; Công nghiệp - xây dựng: 26,3%; Thương mại - Dịch vụ: 18,7%.

3. Thu nhập bình quân đầu người: 34 triệu đồng/người/năm;

4. Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành): 4.531 tỷ đồng.

5. Tổng diện tích gieo trồng (không kể cây cao su): 33.520 ha (lúa nước thùy lợi 6.195 ha, cây ngô 2.850 ha, cây mỳ 10.000 ha, cây mía 3.500 ha)

6. Tổng sản lượng lương thực quy thóc: 61.925 tấn (thóc 48.530 tấn).

7. Diện tích trồng rừng: 25 ha

8. Tổng đàn bò: 33.772 con (tỷ lệ bò lai chiếm 24%).

9. Giá trị sản xuất CN-TTCN (theo giá so sánh năm 2010): 147 tỷ đồng.

10. Thu ngân sách trên địa bàn: 13 tỷ đồng.

11. Tỷ lệ hộ nghèo: giảm 4% trở lên

12. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,51%

13. Tỷ lệ huy động trẻ em đến lớp:

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 82%.

- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo: 98%.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học: 98%.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS: 86%.

14. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 32%

15. Chỉ tiêu về y tế:

- Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế: 09 xã

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 95,79%

16. Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh: 87,5%

17. Chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới: Xã Ia Mron đạt chuẩn nông thôn mới; các xã còn lại tăng từ 01 tiêu chí trở lên.

18. Gia đình văn hóa: 58% (7.500 hộ); Thôn, làng văn hóa: 86% (44 thôn); Công sở văn hóa: 100% (55 đơn vị).

19. Tỷ lệ giao quân: 100%

II. Phương hướng, giải pháp

1. Lĩnh vực kinh tế

- Tập trung triển khai các giải pháp để thực hiện tốt công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng; xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện canh tác và tập quán người dân. Tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi cây trồng ở những vùng thường xuyên bị thiếu nước sang trồng cây chịu hạn có giá trị kinh tế cao. Thực hiện có hiệu quả chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”. Tăng cường liên doanh, kiên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh đầu tư và bao tiêu sản phẩm cây trồng, vật nuôi.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, nhất là dịch bệnh trắng lá mía, khảm lá sắn, sâu keo mùa thu; thực hiện lai cải tạo đàn bò, nhằm tăng tỷ lệ bò lai đồng thời phát triển các mô hình chăn nuôi heo mô hình trang trại. Hướng dẫn các hộ chăn nuôi tái đàn heo tại các xã đã công bố hết dịch tả lợn Châu Phi.

- Tăng cường và quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý và bảo vệ phát triển tài nguyên rừng, nhất là các vùng giáp ranh với các huyện; đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch trồng rừng và chăm sóc rừng trồng.

- Thực hiện tốt việc xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Tập trung các nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phấn đấu cuối năm 2020 xã Ia Mơn đạt chuẩn nông thôn mới. Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án xây dựng làng nông thôn mới tại thôn Blôm, xã Kim Tân và các làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đã đăng ký với tỉnh.

- Các cấp, các ngành quan tâm công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, tăng cường sự phối hợp của các cấp, ngành, các tổ chức chính trị- xã hội và gắn trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản và phát huy vai trò của người dân trong việc phát hiện, tố giác các hành vi sai phạm trong lĩnh vực này.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng triển khai các công trình để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình, dự án do UBND các xã làm chủ đầu tư.

- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, gắn quyền và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm soát, quản lý, chất lượng, chi phí xây dựng, thẩm định, thiết kế, dự toán, kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng, nhất là đối với các công trình sử dụng vốn NSNN, các công trình trọng điểm của huyện.

- Tăng cường công tác thu ngân sách, xử lý nợ thuế; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp cố tình chây ì, không thực hiện nghĩa vụ thuế. Quản lý chặt chẽ, đúng quy định và hạn chế các khoản chi chuyển nguồn ngân sách; thực hiện cân đối thu, chi ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời và chi đúng nhiệm vụ; các nguồn chi ngân sách đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

- Xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2020, đáp ứng yêu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách, đảm bảo đều được tiếp cận vay vốn ưu đãi, giảm thiểu người dân vay “Tín dụng đen” với lãi suất cao. Nâng cao chất lượng tín dụng, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người vay trả nợ gốc đến hạn, nợ phân kỳ, giám áp lực trả nợ khi đến hạn kỳ cuối và tạo ý thức trả nợ cho người vay.

2. Về văn hóa - xã hội

- Đầu tư hoàn thiện mạng lưới trường lớp phù hợp với thực tiễn, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các bậc học. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, tiếp tục đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT. Đẩy mạnh xã hội hóa để duy động các nguồn lực của xã hội cho sự nghiệp giáo dục. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục THPT. Thực hiện có hiệu quả chương trình hành động đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phong trào xã hội hoá giáo dục, phong trào khuyến học, phát triển hoạt động của Trung tâm Giáo dục cộng đồng các xã; tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và nâng cấp trường chuẩn quốc gia.

- Củng cố, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng phát thanh, mở rộng diện tích phủ sóng để tất cả hộ gia đình được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thông tin, truyền thông. Quan tâm phát triển sự nghiệp thể dục thể thao, phát triển các loại hình hoạt động thể dục - thể thao. Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ quan, đơn vị, địa phương kiểu mẫu.

- Tiếp tục thực hiện tốt Đề án 02/ĐA-HU ngày 08/12/2014 về việc nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, bảo tồn và phát huy văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc tại chỗ, xây dựng thiết chế văn hóa vững mạnh, giai đoạn 2015-2020; rà soát số lượng công trình còn lưu giữ trong dân và số người biết đàn lát, dệt thổ cẩm, tạc tượng để phối hợp với Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Gia Lai mở các lớp đào tạo.

- Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường đào tạo chuyên môn, nâng cao ý thức cho cán bộ y tế; tăng cường các nguồn lực, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng và các chương trình mục tiêu quốc gia, phòng chống bệnh xã hội, nhất là bệnh sốt xuất huyết, sốt rét; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện, định kỳ lấy ý kiến về sự hài lòng của nhân dân; tăng cường giám sát, phát hiện xử lý kịp thời, dập tắt sớm các dịch bệnh nguy hiểm. Tăng cường quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề lao động nông thôn, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín để triển khai đưa lao động xuất khẩu sang các thị trường có thu nhập cao và ổn định. Thực hiện tốt chương trình giảm nghèo bền vững, huy động các nguồn lực hỗ trợ các gia đình, cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thực hiện đúng chế độ các

chính sách an sinh xã hội đối với người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02 của Huyện ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững. Đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tăng cường phòng chống đuối nước và bạo lực, xâm hại trẻ em.

3. Về nội chính

- Xây dựng lực lượng quân sự vững mạnh toàn diện; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đảm bảo chất lượng; hoàn thành kế hoạch tuyển quân năm 2020.

- Các ngành chức năng, chính quyền các xã đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời hoạt động nhen nhóm phục hồi FULRO "TLĐG". Kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động của người nước ngoài đến địa bàn thăm người thân, tham quan, du lịch và các hoạt động gửi tiền, hàng có yếu tố nước ngoài về trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh công tác đấu tranh, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, nhất là các loại tội phạm liên quan đến "tín dụng đen", cho vay nặng lãi, bảo kê, đòi nợ thuê, xâm phạm đến môi trường, tài nguyên rừng. Triển khai quyết liệt các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy. Tăng cường giám sát, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Triển khai các giải pháp đề tập trung kéo giảm và hạn chế tại nạn giao thông; huy động tối đa các lực lượng thường xuyên tuần tra lưu thông, kiểm soát xử lý các vi phạm nồng độ cồn, vi phạm tốc độ. Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật về an toàn giao thông.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm; đảm bảo an toàn giao thông; phòng chống cháy, nổ; tăng cường xây dựng, củng cố các mô hình, tổ chức tự quản về an ninh trật tự; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*".

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhằm nâng cao nhận thức của công dân, góp phần ngăn chặn và hạn chế các vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo; rà soát những đơn thư khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng để giải quyết dứt điểm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng nhất là những lĩnh vực nhạy cảm dễ xảy ra tham nhũng như tài chính, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai....

- Tăng cường thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã, nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý, thực hiện tư vấn có hiệu quả tại cơ quan, chỉ đạo các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tổ chức sinh hoạt theo định kỳ có chất lượng và đúng theo điều lệ đã đề ra; tổ chức tốt hoạt động hòa giải ở cơ sở, phấn đấu tỷ lệ hòa giải thành đạt từ 80% trở lên.

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Tiếp tục rà soát, công khai thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả một cửa của huyện, xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính thuộc UBND huyện và UBND các xã; thực hiện thường xuyên và quyết liệt trong công tác cải cách hành chính, tăng sự hài

lòng đối với người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị theo quy định. Thường xuyên kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời chấn chỉnh, thay đổi lề lối làm việc. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tham mưu theo hướng chất lượng, hiệu quả, cải tiến lề lối, tác phong làm việc, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành; thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo kịp thời.

- Tập trung đánh giá tình hình thực hiện phát triển KT-XH 5 năm 2016-2021 và xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH, dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025; Tổ chức thành công Đại hội Đảng cấp cơ sở và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

- Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021; nội dung phát động của Chủ tịch UBND huyện tại Lễ phát động phong trào thi đua “cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025”. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương chấp hành công vụ. /.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UB MTTQVN huyện;
- TV UBND huyện;
- Ban, ngành huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, CTTĐT, CV.



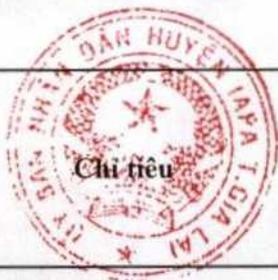
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Hùng



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU NĂM 2020

| T T | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2019 | Ước thực hiện năm 2019 | Kế hoạch 2020 | KQ thực hiện năm 2019/KH năm 2019 |
|--------|---|----------------|-------------------|------------------------|---------------|-----------------------------------|
| 1 | Tốc độ gia tăng giá trị sản xuất (Giá so sánh 2010) | % | 11,22 | 11,28 | 11,30 | Đạt |
| | Nông, lâm nghiệp tăng | % | 6,7 | 6,4 | 6,5 | |
| | Công nghiệp-Xây dựng tăng | % | 15,8 | 16,3 | 15,5 | |
| | Dịch vụ - Thương mại tăng | % | 14,4 | 14,5 | 14,8 | |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | % | 100,0 | 100,0 | 100,0 | |
| | Nông, lâm nghiệp | % | 55,3 | 55,1 | 55,0 | gần đạt |
| | Công nghiệp-Xây dựng | % | 26,2 | 26,3 | 26,3 | đạt |
| | Dịch vụ - Thương mại | % | 18,6 | 18,6 | 18,7 | Đạt |
| 3 | Thu nhập bình quân (tính giá hiện hành) | Tr.đ/ng/năm | 29,0 | 30,0 | 34,0 | đạt (tăng 1 triệu đồng) |
| 4 | Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) | Tỷ đồng | 2.856,0 | 2.857,5 | 3.180,4 | |
| | Nông, lâm nghiệp | Tỷ đồng | 1.287 | 1.283,6 | 1.367,0 | |
| | Công nghiệp-Xây dựng | Tỷ đồng | 930,5 | 934,5 | 1.079,7 | |
| | <i>Trong đó: công nghiệp - TTCN</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>126,0</i> | <i>126,8</i> | <i>147,0</i> | |
| | Dịch vụ - Thương mại | Tỷ đồng | 638,5 | 639,4 | 733,8 | |
| 4 | Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành) | Tỷ đồng | 4.070,4 | 4.070,1 | 4.531,0 | Đạt |
| | Nông, lâm nghiệp | Tỷ đồng | 2.249,0 | 2.243,1 | 2.492,0 | |
| | Công nghiệp-Xây dựng | Tỷ đồng | 1.065,4 | 1.070,0 | 1.191,5 | |
| | <i>Trong đó: công nghiệp - TTCN</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>159,0</i> | <i>162,5</i> | <i>187,0</i> | |
| | Dịch vụ - Thương mại | Tỷ đồng | 756,0 | 757,1 | 847,5 | |
| 5 | Tổng diện tích gieo trồng (Không kể cao su) | Ha | 32.642 | 33.023 | 33.520 | Đạt (tăng 381 ha) |
| | Trong đó: - Lúa nước thùy lợi | Ha | 6.082 | 6.195 | 6.195 | Đạt |
| | - Ngô | Ha | 2.650 | 2.751 | 2.850 | Đạt |
| | - Mỳ | Ha | 8.000 | 9.755 | 10.000 | Đạt |
| | - Mía | Ha | 5.550 | 3.155 | 3.500 | Không đạt |
| 6 | Diện tích trồng rừng | Ha | 300 | 18,9 | 25 | Không đạt |
| 7 | Tổng sản lượng lương thực | Tấn | 57.571 | 58.377 | 61.925 | Đạt |
| | Trong đó: Thóc | Tấn | 46.138 | 47.200 | 48.530 | Đạt |



| T T | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2019 | Ước thực hiện năm 2019 | Kế hoạch 2020 | KQ thực hiện năm 2019/KH năm 2019 |
|--------|---|---------|--------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------------|
| 8 | Tổng đàn bò | Con | 32.340 | 32.788 | 33.772 | Đạt |
| | Tỷ lệ bò lai | % | 20,0 | 22,0 | 24,0 | Đạt |
| 9 | Tổng giá trị sản xuất CN-TTCN (theo giá so sánh 2010) | Tỷ đồng | 126,0 | 126,8 | 147,0 | Đạt |
| 10 | Tổng thu ngân sách trên địa bàn | Tỷ đồng | 11,6 | 12,80 | 13 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ hộ nghèo (*) | % | Giảm 6% (14,73%) | giảm 5,6% (15,14%) | Giảm 4% trở lên | gần đạt |
| 12 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,64 | 1,52 | 1,51 | Đạt |
| 13 | Chỉ tiêu về Giáo dục và Đào tạo | | | | | |
| | - Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo | % | 82,0 | 82,0 | 82,0 | Đạt |
| | - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo | % | 99,0 | 99,8 | 98,0 | Đạt |
| | - Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học | % | 99,0 | 99,0 | 98,0 | Đạt |
| | - Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS | % | 86,0 | 86,0 | 86,0 | Đạt |
| | - Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ một tăng thêm | Trường | 1,0 | 1,0 | 0,0 | Đạt |
| 14 | Tỷ lệ LD qua đào tạo | % | 30,00 | 30,20 | 32,0 | Đạt |
| 15 | Chỉ tiêu về Y tế | | | | | |
| | - Số xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế | xã | 9 | 9 | 9 | Đạt |
| | - Tỷ lệ người dân tham gia BHYT | % | 95,88 | 95,88 | 95,79 | Đạt |
| 16 | Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 83,5 | 85,0 | 87,5 | |
| 17 | Xây dựng nông thôn mới | | Có biểu nông thôn mới kèm theo | | | |
| 18 | Xây dựng đời sống văn hóa | | | | | |
| | - Gia đình văn hóa | % | 65 (7851 hộ) | 57 (7447 hộ) | 58 (7500 hộ) | Không đạt |
| | - Làng văn hoá | % | 56 (43 thôn) | 78 (40 thôn) | 86 (44 thôn) | Đạt |
| | - Công sở, trường học văn hoá | % | 100 (55 đơn vị) | 100 (55 đơn vị) | 100 (55 đơn vị) | Đạt |
| 19 | Tỷ lệ giao quân | % | 100 | 100 | 100 | Đạt |

(*) Kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 giảm 6% so với năm 2018, kết quả điều tra giảm 5,6%.
Đến cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 15,14%.

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

A. KẾT QUẢ 2019

1. Thực hiện các tiêu chí của các xã

| Stt | Xã | Số tiêu chí đạt năm 2018 (tiêu chí) | Số tiêu chí đạt 30/5/2019 (tiêu chí) | Ước đạt đến 31/12/2019 (tiêu chí) | Tăng +/- giảm - 2019 so với 2018 (tên tiêu chí) |
|------------------|----------|-------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|---|
| 1 | Pờ Tó | 11 | 11 | 12 | 1 |
| 2 | Chư Răng | 10 | 10 | 14 | 4 |
| 3 | Kim Tân | 10 | 10 | 12 | 2 |
| 4 | Ia Mron | 13 | 13 | 17 | 4 |
| 5 | Ia Trôk | 11 | 11 | 11 | 0 |
| 6 | Ia Broãi | 9 | 9 | 12 | 3 |
| 7 | Ia Tul | 14 | 14 | 19 | 5 |
| 8 | Chư Mố | 12 | 12 | 12 | 0 |
| 9 | Ia K dăm | 9 | 9 | 11 | 2 |
| Tổng cộng | | 99 | 99 | 120 | 21 |

Ghi chú: Năm 2019 tăng 21 tiêu chí, giảm 00 tiêu chí:

- Xã Pờ Tó tăng 01 tiêu chí (19). Đạt 12/19 tiêu chí: 1, 3, 4, 5, 7, 8, 10, 12, 13, 14, 15, 19.

- Xã Chư Răng tăng 04 tiêu chí (2,7,8,9). Đạt 14/19 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15, 16, 19.

- Xã Kim Tân tăng 02 tiêu chí (7,8). Đạt 12/19 tiêu chí: 1, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 19.

- Xã Ia Mron tăng 02 tiêu chí (6, 11, 17, 18). Đạt 17/19 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19.

- Xã Ia Trôk: không tăng tiêu chí. Đạt 11/19 tiêu chí: 1, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16.

- Ia Broãi tăng 03 tiêu chí (6, 15, 19). Đạt 12/19 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 19.

- Xã Ia Tul tăng 05 tiêu chí (9,10,11,17,18). Đạt 19/19 tiêu chí.

- Xã Chư Mố không tăng tiêu chí. Đạt 12/19 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16 (trong đó: đạt tiêu chí 11; nhưng giảm tiêu chí 19 vì xây ra 02 vụ trọng án liên quan đến an ninh trật tự).

- Xã Ia Kdăm tăng 02 tiêu chí (8,19). Đạt 11/19 tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 19.



2. Kết quả thực hiện NTM xã Ia Tul: Năm 2019 xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới (19/19 tiêu chí).

B. KẾ HOẠCH 2020

- Xã Ia Mơn đạt nông thôn mới.
- Các xã còn lại tăng từ 01 tiêu chí trở lên.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Ia Pa)



| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2018 | Năm 2019 | | | | Kế hoạch 2020 | Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%) |
|------------|--------------------------------------|------------|----------------|---------------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện năm 2019 | Ước thực hiện 2019 so với TH 2018 (%) | Ước thực hiện năm 2019 so với KH (%) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 7 | 8 | 9 | 10 | |
| 1 | Trồng trọt | | | | | | | | |
| | Tổng DTGT (không tính cao su) | Ha | 32.544 | 32.642 | 33.023 | 101,5 | 101,2 | 33.520 | 101,5 |
| | Tổng SLLT | Tấn | 58.338 | 57.571 | 58.377 | 100,1 | 101,4 | 61.925 | 106,1 |
| | Trong đó : Thóc | Tấn | 47.196 | 46.138 | 47.200 | 100,0 | 102,3 | 48.530 | 102,8 |
| 1.1 | Cây lương thực | Ha | 11.382 | 11.137 | 11.466 | 100,7 | 103,0 | 11.565 | 100,9 |
| a) | Lúa cả năm: | Ha | 8.732 | 8.487 | 8.715 | 99,8 | 102,7 | 8.715 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 54,0 | 54,4 | 54,2 | 100,2 | 99,6 | 55,7 | 102,8 |
| | SL | Tấn | 47.196 | 46.138 | 47.200 | 100,0 | 102,3 | 48.530 | 102,8 |
| | Lúa đông xuân | Ha | 2.915 | 2.790 | 2.900 | 99,5 | 103,9 | 2.900 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 67,1 | 67,3 | 67,3 | 100,3 | 100,1 | 67,5 | 100,3 |
| | SL | Tấn | 19.560 | 18.767 | 19.517 | 99,8 | 104,0 | 19.575 | 100,3 |
| | Lúa TLVM | Ha | 3.292 | 3.292 | 3.295 | 100,1 | 100,1 | 3.295 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 63,6 | 64,0 | 64,0 | 100,6 | 100,0 | 66,2 | 103,5 |
| | SL | Tấn | 20.937 | 21.069 | 21.088 | 100,7 | 100,1 | 21.817 | 103,5 |
| | Lúa nước 1 vụ | Ha | 1.720 | 1.600 | 1.715 | 99,7 | 107,2 | 1.715 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 31,6 | 31,4 | 31,0 | 98,3 | 98,6 | 32,0 | 103,2 |



| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2018 | Năm 2019 | | | | Kế hoạch 2020 | Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%) |
|-----------|------------------|-----------|----------------|--------------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện năm 2019 | Ước thực hiện 2019 so với TH 2018 (%) | Ước thực hiện năm 2019 so với KH (%) | | |
| | SL | Tấn | 5.427 | 5.030 | 5.317 | 98,0 | 105,7 | 5.488 | 103,2 |
| | Lúa rẫy | Ha | 805 | 805 | 805 | 100,0 | 100,0 | 805 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 15,8 | 15,8 | 15,9 | 100,6 | 100,6 | 20,5 | 128,9 |
| | SL | Tấn | 1.273 | 1.272 | 1.280 | 100,5 | 100,6 | 1.650 | 128,9 |
| b) | Ngô: | Ha | 2.650 | 2.650 | 2.751 | 103,8 | 103,8 | 2.850 | 103,6 |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 42,0 | 43,1 | 39,5 | 93,9 | 91,5 | 47,0 | 119,1 |
| | - Sản lượng | Tấn | 11.142 | 11.433 | 10.858 | 97,5 | 95,0 | 13.395 | 123,4 |
| | Trong đó Ngô lai | ha | 2.570 | 2.570 | 2.671 | 103,9 | 103,9 | 2.670 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 42,9 | 43,6 | 40,3 | 93,8 | 92,4 | 47,7 | 118,4 |
| | SL | Tấn | 11.035 | 11.203 | 10.758 | 97,5 | 96,0 | 12.736 | 118,4 |
| | Ngô ĐX | ha | 295 | 295 | 297 | 100,7 | 100,7 | 295 | 99,3 |
| | - Năng suất | tạ/ha | 44,0 | 44,3 | 45,0 | 102,3 | 101,6 | 48,7 | 108,3 |
| | - Sản lượng | tấn | 1.298 | 1.307 | 1.337 | 103,0 | 102,3 | 1.438 | 107,6 |
| | Trong đó Ngô lai | ha | <u>295</u> | <u>295</u> | <u>297</u> | 100,7 | 100,7 | <u>295</u> | <u>99,3</u> |
| | NS | tạ/ha | 44,0 | 44,3 | 46,5 | 105,7 | 105,0 | 48,8 | 104,9 |
| | SL | tấn | 1.298 | 1.307 | 1.381 | 106,4 | 105,7 | 1.440 | 104,2 |
| | Ngô VM | ha | 2.355 | 2.355 | 2.454 | 104,2 | 104,2 | 2.555 | 104,1 |
| | - Năng suất | tạ/ha | 41,8 | 43,0 | 38,8 | 92,8 | 90,2 | 46,8 | 120,6 |
| | - Sản lượng | tấn | 9.844 | 10.127 | 9.522 | 96,7 | 94,0 | 11.957 | 125,6 |
| | Trong đó Ngô lai | ha | <u>2.275</u> | <u>2.275</u> | <u>2.374</u> | 104,4 | 104,4 | <u>2.375</u> | <u>100,0</u> |



| TT | Chi tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2018 | Năm 2019 | | | Kế hoạch 2020 | Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%) | |
|------------|--|-----------|----------------|--------------|------------------------|---------------------------------------|---------------|---|--------------------------------------|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện năm 2019 | Ước thực hiện 2019 so với TH 2018 (%) | | | Ước thực hiện năm 2019 so với KH (%) |
| | NS | tạ/ha | 42,8 | 43,5 | 39,5 | 92,3 | 90,8 | 47,0 | 119,0 |
| | SL | tấn | 9.737 | 9.896 | 9.377 | 96,3 | 94,8 | 11.163 | 119,0 |
| 1.2 | Cây tinh bột có củ (sắn) | Ha | 8.837 | 8.000 | 9.755 | 110,4 | 121,9 | 10.000 | 102,5 |
| | NS | Tạ/ha | 200 | 210 | 175,3 | 87,7 | 83,5 | 215,0 | 122,6 |
| | SL | Tấn | 177.175 | 168.000 | 171.005 | 96,5 | 101,8 | 215.000 | 125,7 |
| 1.3 | Cây thực phẩm | Ha | 3.771 | 3.950 | 4.217 | 111,8 | 106,8 | 4.090 | 97,0 |
| a) | Đậu các loại | Ha | 1.630 | 1.630 | 1.795 | 110,1 | 110,1 | 1.740 | 96,9 |
| | NS | Tạ/ha | 6,6 | 6,7 | 6,7 | 101,5 | 100,0 | 6,8 | 101,5 |
| | SL | Tấn | 1.056 | 1.092 | 1.211 | 114,7 | 110,9 | 1.183 | 97,7 |
| b) | Rau các loại (có cả tre lấy măng) | Ha | 2.141 | 2.320 | 2.422 | 113,1 | 104,4 | 2.350 | 97,0 |
| | NS | Tạ/ha | 94,0 | 100,0 | 101,0 | 107,4 | 101,0 | 102,0 | 101,0 |
| | SL | Tấn | 20.115 | 23.210 | 24.462 | 121,6 | 105,4 | 23.970 | 98,0 |
| 1.4 | Cây CNNN | Ha | 6.194 | 6.835 | 4.850 | 78,3 | 71,0 | 5.015 | 103,4 |
| a) | Mè | Ha | 425 | 245 | 605 | 142,4 | 246,9 | 425 | 70,2 |
| | NS | Tạ/ha | 6,4 | 6,6 | 6,6 | 103,1 | 100,2 | 6,7 | 101,5 |
| | SL | Tấn | 271 | 161 | 399 | 147,3 | 247,3 | 285 | 713,1 |
| b) | Thuốc lá | Ha | 1.087 | 1.090 | 1.090 | 100,3 | 100,0 | 1.090 | 100,0 |
| | NS | Tạ/ha | 28,6 | 29,6 | 29,6 | 103,5 | 100,0 | 29,8 | 100,7 |
| | SL | Tấn | 3.108 | 3.225 | 3.226 | 103,8 | 100,0 | 3.248 | 100,7 |
| c) | Mía tổng số | Ha | 4.682 | 5.500 | 3.155 | 67,4 | 57,4 | 3.500 | 110,9 |



| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2018 | Năm 2019 | | | | Kế hoạch 2020 | Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%) |
|-----|--|--------|----------------|----------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện năm 2019 | Ước thực hiện 2019 so với TH 2018 (%) | Ước thực hiện năm 2019 so với KH (%) | | |
| | Trồng mới | Ha | 944 | 1.900 | 1.259 | 133,4 | 66,3 | 1.200 | 95,3 |
| | Mía lưu gốc | | 3.783 | 3.600 | 1.896 | 50,1 | 52,7 | 2.300 | 121,3 |
| | Thu hoạch | Ha | 4.682 | 5.500 | 3.155 | 67,4 | 57,4 | 3.500 | 110,9 |
| | NS | Tạ/ha | 639,9 | 645 | 618,1 | 96,6 | 95,8 | 655 | 106,0 |
| | SL | Tấn | 299.583 | 354.750 | 195.011 | 65,1 | 55,0 | 229.250 | 117,6 |
| 1.5 | Cây HN khác (Ốt cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...) | Ha | 400 | 400 | 400 | 100,0 | 100,0 | 400 | 100,0 |
| 1.6 | Cây CNDN (điều) | Ha | 1.330 | 1.520 | 1.520 | 114,3 | 100,0 | 1.600 | 105,3 |
| | Điều tổng số | Ha | 1.330 | 1.520 | 1.520 | 114,3 | 100,0 | 1.600 | 105,3 |
| | Trồng mới | Ha | 420 | 190 | 190 | 45,2 | 100,0 | 80 | 42,1 |
| | CSKTCB | Ha | 50 | 430 | 430 | 860,0 | 100,0 | 420 | 97,7 |
| | Kinh doanh | Ha | 860 | 900 | 900 | 104,7 | 100,0 | 1.100 | 122,2 |
| | NS | Tạ/ha | 6,2 | 7,2 | 7,2 | 116,2 | 100,0 | 7,5 | 104,1 |
| | SL | Tấn | 533 | 648 | 648 | 121,6 | 100,0 | 825 | 127,3 |
| 1.7 | Cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâu năm khác... | Ha | 630 | 800 | 815 | 129,4 | 101,9 | 850 | 104,3 |
| 2 | Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu | | | | | | | | |
| - | Đàn trâu | Con | 1.170 | 1.180 | 1.180 | 1.182 | 101,0 | 1.187 | 100,4 |
| - | Đàn bò | Con | 31.400 | 32.340 | 32.788 | 104 | 0,3 | 33.772 | 32.342,3 |
| | Tỷ lệ bò lai | % | 18,1 | 20 | 22 | | | 24 | |



| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2018 | Năm 2019 | | | | Kế hoạch 2020 | Kế hoạch 2020 so với ước thực hiện 2019 (%) |
|----------|---|----------|----------------|----------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------|---|
| | | | | Kế hoạch | Ước thực hiện năm 2019 | Ước thực hiện 2019 so với TH 2018 (%) | Ước thực hiện năm 2019 so với KH (%) | | |
| - | Đàn heo | Con | 43.410 | 46.870 | 41.250 | 45.200 | 104,12 | 55.445 | 123 |
| | Tỷ lệ heo lai | % | 70,0 | 75,0 | 75,0 | | | 87 | |
| * | Sản lượng thịt hơi các loại | Tấn | 2.347 | 2.483 | 2.270 | 2.700 | 247 | 3.075 | 226 |
| - | Thịt trâu bò hơi | Tấn | 670 | 724,5 | 820 | 960 | 143,3 | 1.050 | 109,4 |
| - | Thịt heo hơi | Tấn | 1.677 | 1.758,8 | 1.450 | 1.740 | 103,8 | 2.025 | 116,4 |
| 3 | Lâm nghiệp | | | | | | | | |
| | Lâm sinh | | | | | | | | |
| | - Trồng rừng tập trung | ha | 77,8 | 319,0 | 18,9 | 24,3 | 5,9 | 25 | 132,3 |
| | - Tỷ lệ che phủ rừng | % | 54,8 | 54,8 | 52,6 | | | 52,6 | |
| | - Diện tích giao khoán QLBR | Nghìn ha | 13,8 | 13,8 | 13,8 | 99,9 | 99,9 | 13,8 | 100,0 |
| 4 | Phát triển nông thôn | | | | | | | | |
| | - Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 84,9 | 85,0 | 85,0 | | | 89,5 | |
| | - Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã | Tiêu chí | 11,0 | 13,7 | 12,2 | 110,9 | 89,1 | 15,0 | 123,0 |
| | - Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | Xã | - | 1 | 1 | | | 2 | |
| | - Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | - | 0,11 | 0,11 | | | 0,22 | |